

Số: 23 /2016/QĐ-UBND

Đắk Nông, ngày 01 tháng 6 năm 2016

CÔNG VĂN BẢN

Số: 1129 Ngày: 21.6 - 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành quy định định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán
kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng
ngân sách Nhà nước tỉnh Đắk Nông**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22 tháng 4 năm 2015 của liên Bộ: Tài chính, Khoa học và Công nghệ về việc hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách Nhà nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 29/TTr-SKHCN ngày 10 tháng 5 năm 2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách Nhà nước tỉnh Đắk Nông.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 06/2008/QĐ-UBND ngày 20/02/2008 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc Ban hành “Quy định định mức xây dựng và phân bổ dự toán kinh phí đối với các đề tài, dự án khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước tỉnh Đắk Nông”.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị

xã; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Đắk Nông; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Khoa học và Công nghệ (Vụ Pháp chế);
- Văn phòng Chính phủ;
- Cục kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Thành viên UBND tỉnh;
- Thường trực UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Báo Đắk Nông, Đài PT-TH, Công báo tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Chi cục Văn thư - Lưu trữ;
- Lưu: VT, KHTH, KTTC (Va).

26

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Bốn

QUY ĐỊNH

Định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước tỉnh Đắk Nông

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 22 /2016/QĐ-UBND

ngày 01/6/2016 của UBND tỉnh Đắk Nông)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định các yếu tố đầu vào cấu thành dự toán nhiệm vụ khoa học và công nghệ (KH&CN) có sử dụng ngân sách nhà nước; định mức xây dựng dự toán kinh phí đối với nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh và nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở; các hoạt động phục vụ công tác quản lý nhiệm vụ KH&CN của cơ quan có thẩm quyền; quy định về lập, thẩm định, phê duyệt và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ KH&CN; quy định chi công bố kết quả nghiên cứu và chỉ đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan quản lý nhiệm vụ KH&CN và cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách Nhà nước; các tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách Nhà nước và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Nguyên tắc áp dụng định mức xây dựng và phân bổ dự toán

1. Các định mức xây dựng dự toán quy định tại quy định này là định mức tối đa, áp dụng đối với nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, cấp cơ sở. Căn cứ quy định này, các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thị xã có trách nhiệm hướng dẫn, ban hành các nội dung và định mức xây dựng dự toán đối với nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở phù hợp với ngành, địa phương và không vượt quá định mức dự toán thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở tại quy định này.

2. Các định mức chi khác làm căn cứ lập dự toán của nhiệm vụ KH&CN không quy định cụ thể tại Quy định này được thực hiện theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 4. Các loại nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách Nhà nước

Các loại nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách Nhà nước cấp tỉnh, cấp cơ sở được quy định tại Điều 27 và 28 Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ.

Nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách Nhà nước cấp tỉnh do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt danh mục hàng năm và giao cho Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ ký hợp đồng thực hiện.

Điều 5. Chức danh thực hiện nhiệm vụ KH&CN

1. Các chức danh thực hiện nhiệm vụ KH&CN: theo quy định tại Khoản 1 Điều 5 Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22 tháng 4 năm 2015 của liên Bộ: Tài chính, Khoa học và Công nghệ.

2. Số lượng thành viên và ngày công tham gia đối với mỗi chức danh (Chủ nhiệm nhiệm vụ; thành viên thực hiện chính, thư ký khoa học; thành viên): theo quy định tại Khoản 2 Điều 5 Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22 tháng 4 năm 2015 của liên Bộ: Tài chính, Khoa học và Công nghệ.

3. Đối với chức danh kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ thực hiện theo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 7 Quy định này.

Chương II

NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1

CÁC YẾU TỐ ĐẦU VÀO CẤU THÀNH DỰ TOÁN VÀ MỘT SỐ KHUNG ĐỊNH MỨC XÂY DỰNG DỰ TOÁN NHIỆM VỤ KH&CN

Điều 6. Các yếu tố đầu vào cấu thành dự toán nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách Nhà nước

Các yếu tố đầu vào cấu thành dự toán nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách Nhà nước theo quy định tại Điều 6 Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22 tháng 4 năm 2015 của liên Bộ: Tài chính, Khoa học và Công nghệ.

Điều 7. Khung định mức làm căn cứ xây dựng dự toán nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách Nhà nước

1. Dự toán tiền công lao động trực tiếp

a) Cấu trúc thuyết minh phân tính tiền công lao động triển khai nhiệm vụ KH&CN theo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 7 Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22 tháng 4 năm 2015 của liên Bộ: Tài chính, Khoa học và Công nghệ.

b) Tiền công trực tiếp cho các chức danh thực hiện nhiệm vụ KH&CN được tính theo ngày công lao động quy đổi (08 giờ/01 ngày; trường hợp có số giờ công lẻ, trên 4 giờ được tính 01 ngày công, dưới 4 giờ được tính $\frac{1}{2}$ ngày công) và mức lương cơ sở do Nhà nước quy định tại thời điểm xây dựng dự toán.

Tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN có trách nhiệm xây dựng thuyết minh dự toán tiền công theo cấu trúc chung nhiệm vụ KH&CN tại điểm a

khoản 1 Điều này, chi tiết theo từng chức danh tham gia thực hiện nội dung công việc, số ngày công tham gia của từng chức danh.

Dự toán tiền công trực tiếp đối với từng chức danh được tính theo công thức và định mức sau:

$$Tc = Lcs \times Hsten \times Snc$$

Trong đó:

Tc: Dự toán tiền công của chức danh

Lcs: Lương cơ sở do Nhà nước quy định

Hsten: Hệ số tiền công ngày tính theo lương cơ sở của từng chức danh tính theo Bảng 1 dưới đây

Snc: Số ngày công của từng chức danh

Bảng 1: Hệ số tiền công ngày cho các chức danh thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh

STT	Chức danh	Hệ số chức danh nghiên cứu (Hcd)	Hệ số lao động khoa học (Hkh)	Hệ số tiền công theo ngày $Hsten = (Hcd \times Hkh) / 22$
1	Chủ nhiệm nhiệm vụ	6,0	2,0	0,54
2	Thành viên thực hiện chính; thư ký khoa học	4,88	1,6	0,35
3	Thành viên	3,36	1,2	0,18
4	Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ	2,86	1,0	0,13

Hệ số tiền công ngày cho các chức danh thực hiện nhiệm vụ KH&CN quy định tại Bảng 1 của Quy định này là mức hệ số tối đa, áp dụng cho nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh.

Bảng 2: Hệ số tiền công ngày cho các chức danh thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở.

STT	Chức danh	Hệ số chức danh nghiên cứu (Hcd)	Hệ số lao động khoa học (Hkh)	Hệ số tiền công theo ngày $Hsten = (Hcd \times Hkh) / 22$
1	Chủ nhiệm nhiệm vụ	5,2	1,8	0,42
2	Thành viên thực hiện chính; thư ký khoa học	4,4	1,4	0,28
3	Thành viên	3,0	1,2	0,16
4	Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ	2,46	1,0	0,11

Hệ số tiền công ngày cho các chức danh thực hiện nhiệm vụ KH&CN quy định tại Bảng 2 của Quy định này là mức hệ số tối đa, áp dụng cho nhiệm vụ

KH&CN cấp cơ sở.

c) Dự toán tiền công trực tiếp đối với chức danh kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ không quá 20% tổng dự toán tiền công trực tiếp đối với các chức danh quy định tại điểm a, b, c khoản 1 Điều 5 Quy định này.

2. Thuê chuyên gia trong nước và ngoài nước phối hợp nghiên cứu

a) Thuê chuyên gia trong nước

Trong trường hợp nhiệm vụ KH&CN có nhu cầu thuê chuyên gia trong nước, tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN căn cứ nội dung yêu cầu công việc thuê chuyên gia thực hiện thương thảo mức tiền thuê chuyên gia, thuyết minh rõ ràng hội đồng tư vấn đánh giá xem xét, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hợp đồng khoán việc. Trường hợp thuê chuyên gia trong nước theo ngày công thì mức dự toán thuê chuyên gia trong nước không quá 20.000.000 đồng/người/tháng (22 ngày/01 tháng).

Tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia trong nước không quá 20% tổng dự toán kinh phí chi tiền công trực tiếp thực hiện nhiệm vụ KH&CN quy định tại khoản 1 Điều 7 Quy định này.

Trong trường hợp đặc biệt, nhiệm vụ KH&CN có dự toán thuê chuyên gia trong nước vượt quá 20.000.000 đồng/người/tháng hoặc tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia trong nước vượt quá 20% tổng dự toán kinh phí chi tiền công trực tiếp thực hiện nhiệm vụ KH&CN quy định tại khoản 1 Điều 7 Quy định này thì cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách Nhà nước quyết định phê duyệt và chịu trách nhiệm.

b) Thuê chuyên gia ngoài nước

Trong trường hợp nhiệm vụ KH&CN có nhu cầu thuê chuyên gia trong nước, tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN căn cứ nội dung yêu cầu công việc thuê chuyên gia thực hiện thương thảo mức tiền thuê chuyên gia, thuyết minh rõ ràng kết quả của việc thuê chuyên gia, tiêu chí đánh giá kết quả thuê chuyên gia cho hội đồng tư vấn đánh giá xem xét, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo hợp đồng khoán việc.

Tùy theo tính chất công việc cụ thể của từng nhiệm vụ KH&CN, đồng ý của Sở Khoa học và Công nghệ trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định chi phí thuê chuyên gia ngoài nước.

3. Dự toán chi phí mua vật tư, nguyên, nhiên, vật liệu: Theo quy định tại Khoản 3 Điều 7 Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22 tháng 4 năm 2015 của liên Bộ: Tài chính, Khoa học và Công nghệ.

4. Dự toán chi sửa chữa, mua sắm tài sản cố định được xây dựng theo quy định tại Khoản 4 Điều 7 Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22 tháng 4 năm 2015 của liên Bộ: Tài chính, Khoa học và Công nghệ.

5. Dự toán chi hội thảo khoa học phục vụ hoạt động nghiên cứu

Nội dung và định mức chi hội thảo khoa học phục vụ hoạt động nghiên cứu được xây dựng và thực hiện theo Quyết định số 35/2010/QĐ-UBND

23/11/2010 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

Ngoài ra, Quy định này quy định mức xây dựng dự toán chi thù lao tối đa đối với hội thảo khoa học như sau:

Đơn vị tính: Nghìn đồng.

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh	Nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở
1	Người chủ trì	Buổi	1.000	800
2	Thư ký hội thảo	Buổi	300	250
3	Báo cáo viên trình bày tại hội thảo	Báo cáo	1.200	800
4	Báo cáo đặt hàng nhưng không trình bày tại hội thảo	Báo cáo	700	500
5	Thành viên tham gia hội thảo	Buổi	150	100

6. Dự toán chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 58/2011/TT-BTC ngày 11 tháng 5 năm 2011 của Bộ Tài chính quy định về quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê.

7. Dự toán chi họp hội đồng tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN (nếu có): được xây dựng trên cơ sở số lượng thành viên hội đồng với mức chi không quá 50% mức chi cho hội đồng nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 9 Quy định này, cụ thể như sau:

Đơn vị tính: Nghìn đồng.

TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh	Nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở
1	Chi họp Hội đồng tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN	Nhiệm vụ		
	Chủ tịch hội đồng		500	400
	Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng		350	250
	Thư ký hành chính		100	70
	Đại biểu được mời tham dự		70	60
2	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét đánh giá		
	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		200	150
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		250	200

8. Dự toán chi quản lý chung nhiệm vụ KH&CN

Tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách Nhà nước được dự toán các nội dung chi quản lý chung phục vụ nhiệm vụ KH&CN, bao gồm: chi điện, nước, các khoản chi hành chính phát sinh liên quan đảm bảo triển khai nhiệm vụ KH&CN tại tổ chức chủ trì; chi tiền lương, tiền công phân bổ đối với các hoạt động gián tiếp trong quá trình quản lý nhiệm vụ KH&CN của tổ chức chủ trì.

Dự toán kinh phí quản lý chung nhiệm vụ KH&CN bằng 5% tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách Nhà nước nhưng tối đa không quá 100 triệu đồng.

9. Các khoản chi khác được vận dụng theo các quy định quản lý hiện hành của pháp luật.

Điều 8. Các nội dung chi quản lý nhiệm vụ KH&CN

Các nội dung chi quản lý nhiệm vụ KH&CN thực hiện theo quy định tại Điều 8 Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22 tháng 4 năm 2015 của liên Bộ: Tài chính, Khoa học và Công nghệ.

Điều 9. Một số định mức chi quản lý nhiệm vụ KH&CN

1. Định mức chi hoạt động của các Hội đồng

a) Chi tiền công

Đơn vị tính: Nghìn đồng.

TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh	Nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở
1	Chi tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN			
a	Chi họp Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN	Hội đồng		
	Chủ tịch hội đồng		700	500
	Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng		500	350
	Thư ký hành chính		200	150
	Đại biểu được mời tham dự		150	100
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét đánh giá		
	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		200	150
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		400	300

TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh	Nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở
2	Chi về tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&CN			
a	Chi họp Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&CN	Hội đồng		
	Chủ tịch hội đồng		1.000	800
	Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng		700	500
	Thư ký hành chính		200	150
	Đại biểu được mời tham dự		150	100
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét đánh giá/1 hồ sơ		
	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		400	300
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		500	400
3	Chi thẩm định nội dung, tài chính của nhiệm vụ KH&CN			
	Tổ trưởng tổ thẩm định	Nhiệm vụ	500	400
	Thành viên tổ thẩm định	Nhiệm vụ	300	250
	Thư ký hành chính	Nhiệm vụ	200	150
	Đại biểu được mời tham dự	Nhiệm vụ	150	100
4	Chi tư vấn đánh giá nghiệm thu chính thức nhiệm vụ KH&CN			
a	Chi họp Hội đồng nghiệm thu	Nhiệm vụ		
	Chủ tịch hội đồng		1.000	800
	Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng		700	500
	Thư ký hành chính		200	150
	Đại biểu được mời tham dự		150	100
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét đánh giá		
	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		400	300
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		500	400

b) Định mức chi tiền công của các Hội đồng tại điểm a khoản 1 Điều 9 Quy định này là định mức tối đa, áp dụng cho nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh và cấp cơ sở.

c) Các nội dung chi khác được xây dựng dự toán trên cơ sở dự kiến khối lượng công việc và các quy định hiện hành của pháp luật.

2. Định mức xây dựng dự toán chi thuê chuyên gia tư vấn độc lập: Thực hiện theo quy định tại Điểm 2 Điều 9 Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22 tháng 4 năm 2015 của liên Bộ: Tài chính, Khoa học và Công nghệ.

3. Chi thông báo tuyển chọn trên các phương tiện truyền thông (báo giấy, báo hình, báo điện tử và các phương tiện truyền thông khác): Thực hiện theo quy định tại Điểm 3 Điều 9 Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22 tháng 4 năm 2015 của liên Bộ: Tài chính, Khoa học và Công nghệ.

4. Dự toán chi công tác kiểm tra, đánh giá giữa kỳ

a) Dự toán chi công tác phí cho đoàn kiểm tra đánh giá giữa kỳ được xây dựng theo quy định hiện hành về chế độ công tác phí áp dụng cho các cơ quan nhà nước.

b) Dự toán chi tiền công cho Hội đồng đánh giá giữa kỳ (trong trường hợp cần thiết có Hội đồng đánh giá giữa kỳ) được áp dụng tối đa bằng 50% mức chi của Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu quy định tại điểm a khoản 1 Điều 9 Quy định này, cụ thể như sau:

Đơn vị tính: Nghìn đồng.

TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh	Nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở
1	Chi họp Hội đồng nghiệm thu	Nhiệm vụ		
	Chủ tịch hội đồng		500	400
	Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng		350	250
	Thư ký hành chính		100	70
	Đại biểu được mời tham dự		70	50
2	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét đánh giá		
	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		200	150
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		250	200

Mục 2

XÂY DỰNG, THẨM TRA, PHÊ DUYỆT VÀ QUYẾT TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KH&CN

Điều 10. Xây dựng dự toán kinh phí đối với các hoạt động phục vụ công tác quản lý Nhà nước của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đối với các nhiệm vụ KH&CN và xây dựng dự toán kinh phí của nhiệm vụ KH&CN

Việc xây dựng dự toán kinh phí đối với các hoạt động phục vụ công tác quản lý Nhà nước của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đối với các nhiệm vụ KH&CN và xây dựng dự toán kinh phí của nhiệm vụ KH&CN thực hiện theo quy định tại Điều 10, Điều 11 Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22 tháng 4 năm 2015 của liên Bộ: Tài chính, Khoa học và Công nghệ.

Điều 11. Thẩm định, giao dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN

1. Trên cơ sở danh mục nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách Nhà nước cấp tỉnh được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt, giao Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp với Sở Tài chính tổ chức thẩm định kinh phí từng nhiệm vụ KH&CN theo đúng quy định. Trường hợp các nội dung chi không có định mức kinh tế - kỹ thuật của các Bộ, ngành chức năng ban hành thì cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ KH&CN được quyết định các nội dung chi cần thiết và chịu trách nhiệm về quyết định của mình trước pháp luật.

2. Căn cứ vào dự toán chi sự nghiệp KH&CN được cơ quan có thẩm quyền giao, các Sở, ngành, địa phương thực hiện giao dự toán cho các đơn vị trực thuộc quản lý và thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

Điều 12. Quyết toán kinh phí nhiệm vụ KH&CN

Việc quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN thực hiện theo quy định tại Điều 13 Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22 tháng 4 năm 2015 của liên Bộ: Tài chính, Khoa học và Công nghệ.

Điều 13. Công bố kết quả nghiên cứu và chi đăng ký sáng chế, giải pháp hữu ích

Nội dung chi công bố kết quả nghiên cứu (đã được công bố) và chi đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ (đã được cấp bằng) trước mắt được thanh toán từ nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ, sau khi Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ của tỉnh được thành lập thì được thanh toán trực tiếp tại Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ của tỉnh.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 14. Điều khoản thi hành

1. Đối với các nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách Nhà nước đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước thời điểm Quy định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo các quy định hiện hành tại thời điểm phê duyệt.

2. Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo văn bản mới ban hành.

Điều 15. Trách nhiệm thi hành

Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì phối hợp với các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, các tổ chức và cá nhân có liên quan tổ chức thực hiện Quy định này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, các tổ chức, cá nhân phản ánh bằng văn bản về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo trình UBND tỉnh xem xét, điều chỉnh./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Bón